

MỤC LỤC - CONTENTS

- 4 **Ngô Thị Thuý Trang:** Những nhân tố đảm bảo quyền con người theo Tư tưởng Hồ Chí Minh - giá trị và ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam hiện nay - Factors ensuring human rights according to Ho Chi Minh's thought - value and practical significance for Vietnam today.
- 9 **Vũ Thị Yến:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc - Ho Chi Minh's ideology on preserving and promoting national cultural identity.
- 15 **Lê Thị Khánh Hòa:** Phát huy vai trò đoàn viên, thanh niên trong đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội - Promoting the role of union members and youth in countering distorted and hostile viewpoints on social media.
- 20 **Đỗ Tuấn Anh:** Tăng cường bồi dưỡng đạo đức truyền thống cho thanh niên quân đội trong kỷ nguyên số - Strengthening traditional ethics training for military youth in the digital age.
- 25 **Lê Thị Thu Hiền:** Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm - Building a nurturing, caring, and educational environment for children based on the child-centered approach.
- 30 **Đào Thị Thuý Vân - Trần Thị Mai:** Giải pháp nâng cao công tác chuyển đổi số trong trường mầm non (Nghiên cứu trường hợp Trường Mầm non Ánh Sao, Yên Châu, Sơn La) - Solutions to enhance digital transformation in preschools (Investigating the case of Anh Sao Kindergarten, Yen Chau, Son La).
- 35 **Trần Thanh Tuấn:** Sử dụng phương pháp dạy học theo cặp nhóm để nâng cao hiệu quả trong việc dạy học tiếng Anh khối 4 tại Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ - Applying pair and group work teaching methodology to enhance the effectiveness of teaching English to grade 4 students at Nguyen Thi Minh Khai primary school, Phu Loi ward, Can Tho city.
- 40 **Nguyễn Văn Phước:** Đánh giá học sinh tiểu học theo định hướng phát triển năng lực: cơ sở lý luận, chính sách và thực tiễn triển khai - Competency-Based Assessment of Primary School Students: Theoretical Foundations, Policy Frameworks, and Practical Implementation.
- 45 **Hoàng Thanh Thủy:** Thực trạng căng thẳng tâm lý và ứng phó với căng thẳng tâm lý ở học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội - The situation of psychological stress and coping with psychological stress among secondary school students in Hanoi.
- 51 **Nguyễn Thuận Quý - Nguyễn Thụy Ngọc Đức - Phan Thị Quỳnh Nga:** Vai trò của các câu lạc bộ đối với học sinh khối lớp 10, Trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Quang Diêu - The role of clubs for 10th grade students at Nguyen Quang Diu specialized high school.
- 55 **Nông Thị Thu:** Ứng dụng công nghệ Chatbot AI: chìa khóa cho tương lai giáo dục nghề nghiệp - Chatbot AI technology application: the key to the future of vocational education.
- 60 **Lê Thị Thu Thuý - Nguyễn Ngọc Phúc:** Thách thức đối với văn hóa đọc của học sinh, sinh viên trong kỷ nguyên công nghệ số - Challenges to the reading culture of students in the digital era.
- 65 **Lê Thị Thu Hằng:** Ứng dụng AI nâng cao chất lượng giảng dạy, thúc đẩy kỹ năng học tập chủ động của học sinh - AI applications improve teaching quality and promote pupil' active learning skills.
- 70 **Trần Quang Vinh:** Nâng cao chất lượng giảng dạy võ thuật công an nhân dân tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I: thực trạng và giải pháp - Improving the quality of people's public security martial arts training at the People's Security College I: current situation and solutions.
- 75 **Bế Thị Ly Xa:** Ứng dụng phần mềm mô phỏng thuật toán Flowgorithm nhằm nâng cao kỹ năng lập trình cho học sinh trung cấp Nghề - Application of Flowgorithm algorithm simulation software to improve programming skills for intermediate vocational students.
- 80 **Lê Thị Thu Thuý - Nguyễn Ngọc Phúc:** Nâng cao khả năng cảm thụ tác phẩm văn học cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non thông qua hoạt động hướng dẫn tổ chức trò chơi đóng kịch cho trẻ mẫu giáo - Enhancing literary appreciation skills of preschool education students through guided role-play drama activities for kindergarten children.
- 85 **Trần Thị Hồng Châu - Nguyễn Hoàng Nhân:** Vai trò của giảng viên chủ nhiệm ở các trường cao đẳng trong công tác giáo dục nhận thức học sinh, sinh viên bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - The role of class teachers in colleges in educating students on protecting the Party's ideological foundation.
- 89 **Thẩm Đình Phát:** Tổng quan về tình hình nghiên cứu thiết bị tháo dỡ vì chống trong mỏ than hầm lò - Overview of the research situation of equipment to dismantle support structures in underground coal mine.
- 95 **Nguyễn Minh Trung:** Áp dụng một số phương pháp trong việc dạy môn đọc - viết Tiếng Hàn Quốc trình độ trung cấp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Applying several methods in teaching intermediate level Korean reading and writing to Korean language majors.
- 100 **Trần Mỹ Linh:** Đổi mới nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc - Innovating the content of defense and security education for students in building and protecting the Homeland.
- 105 **Ngô Thùy Giang:** Nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) trong theo dõi tiến độ và đánh giá năng lực của sinh viên tại các trường đại học - Improving the effectiveness of learning management system (LMS) applications in monitoring progress and assessing students' abilities at universities.
- 110 **Huỳnh Thị Thanh Hằng - Trần Văn Phong:** Tăng cường sự tham gia của cán bộ, giảng viên, nhân viên vào quyết định quản lý theo phong cách dân chủ: Thực tiễn tại Trường Đại học Trà Vinh - Fostering the engagement of officials, lecturers, and staff in management decision-making through a democratic style: Practices at Tra Vinh University.
- 116 **Phạm Thị Minh Thuởng:** Phân tích lỗi ngữ pháp Tiếng Hán của sinh viên Việt Nam từ góc độ đối chiếu Hán - Việt và đề xuất biện pháp khắc phục - An analysis of grammatical errors in Chinese made by Vietnamese students from a Sino-Vietnamese contrastive perspective and proposed remedial measures.
- 121 **Nguyễn Thị Nhân:** Đánh giá hình ảnh Trường Đại học Thành Đông trong nhận thức của học sinh trung học phổ thông và các yếu tố ảnh hưởng - An evaluation of Thanh Dong University's image in the perceptions of high school students and influencing factors.
- 126 **Tạ Thị Cẩm Tú - Phan Gia Thịnh:** Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với việc học kỹ năng viết của sinh viên năm hai và năm ba chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Phan Thiết - The impact of AI on learning writing skills among second-year and third-year english major students at the University of Phan Thiet.
- 132 **Lê Lan Ngọc - Nguyễn Đắc Bảo An - Nguyễn Đức Huy - Phạm Khánh Linh - Trần Hải Hồng - Nguyễn Hà Mai:** Bàn về vai trò của trí tuệ nhân tạo trong việc nâng cao sự tham gia và động lực của sinh viên trong giáo dục nghệ thuật sáng tạo: tiếp cận lấy con người làm trung tâm từ dự án phim ngắn "Momlight" - Discussing the role of artificial intelligence in enhancing student engagement and motivation in creative arts education: a human-centered approach from the short film project "Momlight".

- 138 Phạm Thị Huệ - Lưu Thu Thủy:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên giáo, dân vận tại Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ - Application of information technology in propaganda and mass mobilization work at Can Tho university of technology.
- 143 Phan Quốc Thái:** Một số vấn đề đặt ra và giải pháp để công tác dạy học đối với các môn Lý luận chính trị đạt hiệu quả cao trong kỷ nguyên số - Some issues and solutions for effective teaching of political theory subjects in the digital age.
- 148 Hà Văn Nghĩa:** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu giảng dạy nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Continuing to improve the system of curriculum and materials teaching national defense and security education content at the people's police academy.
- 153 Đặng Huỳnh Ngân Thu - Đoàn Thị Kim Chi - Nguyễn Thị Ngọc Xuân:** Phát triển năng lực số cho sinh viên Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - Developing digital competence for national defense education students at Ho Chi Minh city university of education.
- 158 Nguyễn Kha Dĩ - Trương Quốc Huy - Nguyễn Chí Hải:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - Applying artificial intelligence to foster self-directed learning skills for national defense education students at ho chi minh city university of education.
- 163 Nguyễn Thị Huệ Linh:** Nâng cao động lực học tiếng Anh cho sinh viên khối không chuyên tại các trường đại học trong kỷ nguyên số - Enhancing English learning motivation for non-specialized students at universities in the digital age.
- 168 Ngô Văn Giang - Đặng Nam Thắng - Nguyễn Quý Tâm:** Tổng quan phân biện khung năng lực ai cho giáo viên hướng tới tính hiệu quả trong giảng dạy ở bậc đại học - Critical review on ai competency frameworks for teachers towards higher education effective teaching.
- 174 Lê Thị Trinh:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật tại Trường Đại học Đại Nam - Some solutions to improve the teaching effectiveness of the course General theory of state and law at Đại Nam university.
- 179 Phan Thị Cẩm Hồng:** Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển năng lực thông tin của sinh viên Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tiền Giang - Factors affecting the development of information literacy among students at the Faculty of Economics and LaSw, Tien Giang University.
- 185 Nguyễn Thị Minh Khai:** Ví dụ thực tiễn về mối quan hệ nhân quả và các điều kiện khác không đổi trong nghiên cứu kinh tế lượng - Real-world example of the causal relationship and the other conditions held constant assumption in econometric research.
- 190 Bùi Lê Ngọc Huyền - Nguyễn Minh Khánh - Nguyễn Văn Dũng:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh - The application of artificial intelligence in scientific research activities of national defense education students at Ho Chi Minh city university of education.
- 195 Trần Gia Bảo - Nguyễn Trọng Nhân - Nguyễn Văn Dũng:** Giá trị của văn hóa ứng xử trong bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho sinh viên Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - The value of behavioral culture in fostering political qualities among students of the faculty of national defense education, Ho Chi Minh city university of education.
- 200 Châu Thị Ngọc Linh - Dương Quốc Bảo - Nguyễn Đăng Huân:** Xây dựng văn hóa trường học hạnh phúc cho sinh viên Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - Building a happy school culture for students of the faculty of national defense education at Ho Chi Minh city university of education.
- 205 Nguyễn Lâm Thanh Trúc:** Khung pháp lý hỗ trợ phát triển các trường đại học tư thục khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: tập trung vào quyền sở hữu trí tuệ, ưu đãi thuế và hợp tác quốc tế - Legal framework supporting the development of entrepreneurial and innovative private universities in Vietnam: focusing on intellectual property, tax incentives, and international cooperation.
- 210 Tăng Đức Vũ:** Phát triển giáo dục đào tạo ngành mỹ thuật ứng dụng tại tỉnh thanh hóa trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục hiện nay - Developing applied fine arts education and training in thanh hoa province in the context of the current curriculum reform.
- 216 Nguyễn Văn Quyền - Hà Khánh Lâm:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho mô hình giáo dục cá nhân hóa - Applications of artificial intelligence for personalized education models.
- 221 Trần Hữu Hiệp:** Tái cấu trúc đào tạo Luật tại Việt Nam: góc nhìn so sánh quốc tế và hàm ý chính sách - Restructuring law education in vietnam: an international comparative perspective and policy implications.
- 225 Đỗ Huy Hoàng Anh:** Năng lực số: hành trang thiết yếu của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia - Digital competence: an essential toolkit for Vietnamese youth in the context of national digital transformation.
- 230 Nguyễn Hồng Ngoan:** Giải pháp phát triển hạ tầng nghiên cứu khoa học dựa trên phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung và chuyển đổi số trong quản lý nghiên cứu - Solutions for developing scientific research infrastructure based on shared key laboratories and digital transformation in research management.
- 235 Trần Linh Huân - Trần Minh Chương - Phạm Thị Hồng Tâm:** Chính phủ điện tử tại Việt Nam: thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện về mặt chính sách, pháp luật - E-government in Vietnam: current situation and policy and legal recommendations for improvement.
- 240 Nguyễn Đắc Triết - Nguyễn Hữu Thiện Nhiên:** Hợp đồng theo mẫu và nguyên tắc tự do hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam - Standardized contracts and the principle of freedom of contract under Vietnamese law.
- 246 Ngô Minh Thiện:** Rào cản pháp lý trong xây dựng thị trường Carbon tại Việt Nam - Legal hurdles in the formation of a carbon market in Vietnam.
- 252 Lê Kim Nguyệt:** Giấy phép môi trường theo pháp luật môi trường Việt Nam - Environmental permit under vietnamese environmental law.
- 257 Lê Tiến Thành - Đặng Thúy Nga - Vi Văn Men:** Phòng ngừa xã hội đối với tội phạm mua bán trái phép chất ma túy theo chức năng của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, công an Thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay - Social prevention of drug trafficking crimes under the functional responsibilities of the drug crime investigation police division, Hanoi municipal police.
- 262 Nguyễn Đình Sinh:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số: thách thức pháp lý và kiến nghị hoàn thiện - Protecting students' personal data in the context of digital transformation: legal challenges and recommendations for improvement.
- 267 Nguyễn Ngọc Minh Anh:** Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật hình sự cho phạm nhân ở các trại giam hiện nay - Improving the effectiveness of criminal law education and propaganda for offenders in current prisons.
- 272 Trần Nghĩa Hưng:** Bảo vệ quyền con người trên không gian mạng trong bối cảnh chuyển đổi số - Protecting human rights in cyberspace in the context of digital transformation.

- 277 Nguyễn Thế Quyên:** Bồi thường về đất – quy định pháp luật và việc áp dụng trong trường hợp gia đình bà Nguyễn Thị Út - Land compensation – legal provisions and their application in the case of Ms. Nguyen Thi Ut's household.
- 282 Nguyễn Sơn Hùng:** Chế định thương nhân ở Việt Nam: thực trạng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật - The commercial regime in Vietnam: current situation and recommendations for legal improvement.
- 287 Lê Hoàng Kim:** Cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng công ước liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 trong bảo vệ quyền chủ quyền của quốc gia ven biển - Legal and practical foundations for applying the 1982 united nations convention on the law of the sea in protecting coastal states' sovereign rights.
- 292 Nguyễn Việt Hoàng - Nguyễn Khánh Hoàng - Nguyễn Văn Trụ:** Tính hợp pháp và hiệu quả của hợp đồng lao động điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam - Legality and effectiveness of electronic employment contracts in the context of Vietnam's digital transformation.
- 297 Nguyễn Thị Ngọc Huyền:** Pháp luật về bán doanh nghiệp tư nhân – bất cập và kiến nghị từ thực tiễn thi hành - Laws on the sale of private enterprises – inadequacies and recommendations from the enforcement practice of the law on enterprises 2020.
- 302 Nguyễn Sơn Hùng:** Hoàn thiện khung pháp lý về thế chấp động sản hình thành trong tương lai tại Việt Nam - Improving the legal framework for mortgaging future movable assets in Vietnam.
- 307 Đinh Lê Oanh:** Pháp luật về giấy phép lao động với người nước ngoài của Úc và kinh nghiệm cho Việt Nam - Australia's legal framework on work permits for foreigners and lessons for Vietnam.
- 312 Vũ Thị Bích Hải - Lê Hồ Trung Hiếu - Nguyễn Quyết Thắng:** Hoàn thiện quy định pháp luật về toà án nhân dân nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp - Improving and refining legal provisions on the people's courts to meet the requirements of judicial reform.
- 317 Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Ngọc Khánh Linh:** Pháp luật xử lý hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch thực trạng và giải pháp hoàn thiện - Legislation on sanctions against environmental protection law violations in tourism activities – current situation and solutions for improvement.
- 323 Đỗ Quỳnh Trang - Lê Thảo Uyên - Lê Hải Yến:** Hình phạt tù chung thân không xét giảm án - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam - Life imprisonment without parole - International practices learned and The application to Vietnam.
- 328 Phạm Thị Thanh Bình:** Phòng chống tội phạm buôn bán người theo pháp luật ASEAN và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam - Prevention and combat of human trafficking under ASEAN law and its implementation in Vietnam.
- 333 Phạm Xuân Thụy:** Hoàn thiện quy định của bộ luật hình sự về các tội xâm phạm tính mạng của con người góp phần thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW - Perfecting the regulations of the criminal code on crimes against human life to contribute to the implementation of Resolution no. 66-NQ/TW.
- 339 Nguyễn Tân Long - Nguyễn Thị Thái Hòa - Nguyễn Văn Huy - Phạm Hoàng Khánh Ly:** Vai trò của E-government trong việc giảm tham nhũng và thu hút FDI: bài học từ một số nước tiêu biểu tại châu Á - The role of e-government in reducing corruption and attracting FDI: lessons from selected ASIAN countries.
- 344 Bùi Thị Thảo - Nguyễn Vũ Việt Phương - Nguyễn Viết Phúc:** Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2045 current situation and solutions to improve - Training quality and capacity-building for human resources in the collective economic sector and cooperatives for the 2025–2030 period, with a vision to 2045.
- 350 Bùi Đặng Thu Thủy:** Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý kinh doanh du lịch ở Việt Nam hiện nay – thực trạng và giải pháp thúc đẩy - Digital transformation in tourism business management in vietnam today – current situation and solutions for promotion.
- 355 Phan Thảo Chi:** Niềm tin vào năng lực quản lý hành vi trẻ rối loạn phổ tự kỷ của giáo viên can thiệp: một nghiên cứu lý luận - Intervention teachers' belief in the ability to manage the behavior of children with autism spectrum disorder: a theoretical study.
- 361 Mai Thị Diễm Thuý - Nguyễn Thị Kim Ngân:** Mối liên hệ giữa ý nghĩa trong cuộc sống và sức khỏe tâm thần của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh – The relationship between meaning in life and mental health among university students in Ho Chi Minh City.
- 367 Trần Đức Quân - Lưu Văn An:** Bàn về Hội chứng lệ thuộc ở học sinh trung học cơ sở dưới góc độ tâm lý học đường - Discussion on dependency syndrome among lower secondary students from a school psychology perspective.
- 372 Đinh Thị Oanh:** Hướng tới bình đẳng trong chuyển đổi số cho phụ nữ cao tuổi ở nông thôn Việt Nam - Towards digital transformation equity for elderly women in rural Vietnam.
- 378 Nguyễn Ngọc Sơn - Đỗ Hiền Hòa:** Giảm nghèo đa chiều gắn với phát triển du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở phía nam tỉnh Khánh Hòa (Ninh Thuận cũ) - Multi-dimensional poverty reduction linked to tourism development in ethnic minority areas in the southern Khanh Hoa province (old Ninh Thuan province).
- 383 Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Xu hướng lựa chọn phương tiện di chuyển của khách du lịch Gen Z đến Đà Nẵng - Trends in transportation mode choices among Gen Z tourists travelling to Da Nang.
- 388 Đỗ Thuý Chi - Dương Ngọc Quỳnh - Nguyễn Mạnh Khải - Trần Mạnh Hùng - Nguyễn Trường Sơn:** Xu hướng tiêu dùng thực phẩm chức năng hữu cơ tại thị trường Việt Nam - Trends in consumption of organic functional foods in Vietnam.
- 393 Lê Ngọc Linh - Hoàng Lê Quang - Nguyễn Thành Công - Nguyễn Thị Kiều Linh:** Xu hướng quảng bá thương hiệu thông qua tổ chức sự kiện âm nhạc tại Việt Nam - The trend of brand promotion through music event organization in Vietnam.
- 399 Chu Phương Anh - Trần Minh An - Nguyễn Thị Văn Anh - Nguyễn Bảo Ngọc - Vũ Hải Nam:** Tổ chức sự kiện marketing trải nghiệm dựa trên mô hình SEMS trong lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam - Experiential marketing event organization based on the SEMs model in the real estate industry in the vietnamese market.
- 404 Lê Lan Ngọc - Lương Tiên Năng - Kim Nhất Nguyên - Hà Yến Thi - Vũ Thị Yến - Lê Trang Nhi:** ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức về đột quỵ khởi phát sớm ở thanh niên - Applying artificial intelligence in educational communication to enhance awareness of early-onset stroke among young adults.
- 408 Đỗ Thị Hồng - Hồ Thị Tuyết Trinh:** Nữ tính hóa hình tượng bồ tát quán âm trong tâm thức người Việt Nam - The feminization of the bodhisattva avalokitesvara in Vietnamese religious consciousness.
- 414 Lê Phú:** Vai trò giáo dục Phật giáo trong truyền bá Phật giáo tại Đồng bằng sông Cửu Long - The role of buddhist education in the propagation of buddhism in the Mekong delta.
- 418 Hà Thị Ngân:** Nghệ thuật kiến tạo không gian trong văn xuôi Trần Bảo Định - The art of constructing space in the prose of Trần Bảo Định.
- 423 Huỳnh Van Binh - Đinh Tran Minh Khoa - Le Van Mao - Nguyen Trung Quang Huy - Huynh Bao Trang - Nguyen Minh Khoi:** Barriers in database, human resources and legal corridors when applying artificial intelligence in ESG performance assessment in Vietnam.
- 430 Ngo Thi Viet Ha - Nguyen Thi Huong Giang:** The Vietnamese Áo Dài: Regional Natural and Social Influences on Its Transformation.
- 436 Trần Hiếu - Nguyễn Hữu Hùng - Dương Đình Tiến:** Tính cấp thiết của việc xây dựng chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên bóng đá Việt Nam - The urgency of developing a specific nutritional regime for Vietnamese football athletes.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

BÙI THỊ THẢO
NGUYỄN VŨ VIỆT PHƯƠNG
NGUYỄN VIỆT PHÚC
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 25/11/2025. Duyệt đăng 12/12/2025.

Abstract

Through the application of integrated analytical and synthetic methods, statistical surveys, and evaluative research, the study identifies existing constraints, including the high proportion of managers lacking formal training, limited management and digital transformation competencies, and weak linkages with training institutions. On this basis, key priority solution groups are proposed. The findings provide a foundation for shaping strategic directions in developing high-quality human resources, thereby meeting the requirements of innovation and international integration of the collective economic sector in the forthcoming period.

Keywords: Collective economy, cooperatives, high-quality human resources.

1. Đặt vấn đề

Theo Nghị quyết số 20-NQ/TW [1] của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả Kinh tế tập thể” đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, lao động kỹ thuật và thành viên Hợp tác xã (HTX) có trình độ, năng lực và kỹ năng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số trở thành yêu cầu bắt buộc đối với khu vực Kinh tế tập thể (KTTT) và HTX. Trong khi đó, yêu cầu phát triển mới đòi hỏi HTX phải vận hành theo mô hình chuỗi giá trị, áp dụng sản xuất thông minh, liên kết với doanh nghiệp, truy xuất nguồn gốc, tham gia thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu. Việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho HTX giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045 là hết sức cần thiết và phù hợp với tinh thần Nghị quyết 20-NQ/TW, Luật HTX và các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số.

2. Thực trạng nguồn nhân lực trong khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

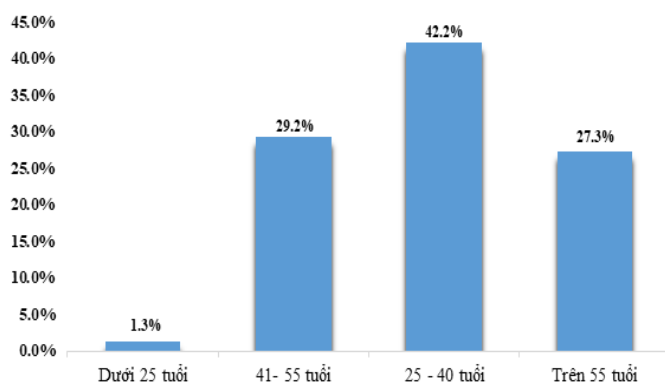
Báo cáo của Liên minh HTX Việt Nam (2021), giai đoạn 2016-2020 cho thấy khu vực kinh tế tập thể, HTX đóng góp trực tiếp khoảng 4,8% GDP cả nước góp phần xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội [2].

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Số lượng HTX	19.843	21.009	21.009	24.204	24.204	27.878	29.378	31.825
Tốc độ tăng/giảm (%)	-	5,9	8,8	5,9	6,5	8,2	5,4	8,3

Bảng 1: Thống kê số lượng Hợp tác xã giai đoạn 2016 - 2023 (Nguồn: sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2024)

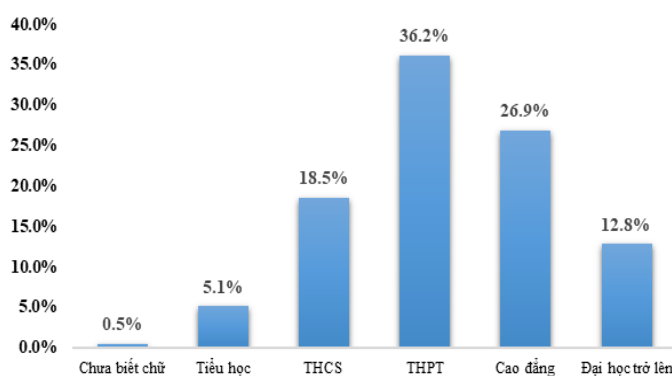
Trên cơ sở dữ liệu khảo sát tại 10 thành phố đại diện cho các vùng kinh tế như là TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đồng Nai, Gia Lai, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lào Cai và Thái Nguyên kết hợp với số liệu tổng hợp giai đoạn 2013 - 2023, có thể nhận diện thực trạng nguồn nhân lực HTX hiện đang đối mặt với nhiều thách thức cả về chất lượng, trình độ và khả năng thích ứng.

Email: buithithaobb@gmail.com



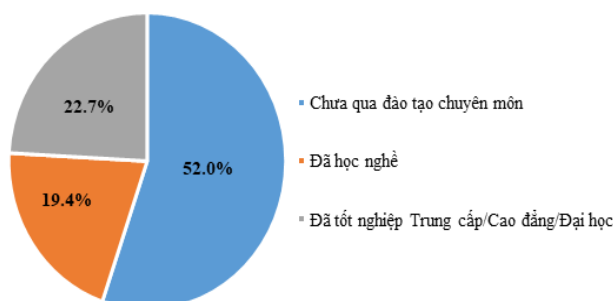
Hình 1: Kết quả khảo sát về độ tuổi các thành viên Hợp tác xã, Kinh tế tập thể

Theo số liệu khảo sát từ 10 thành phố đại diện cho các vùng kinh tế do nhóm tác giả thực hiện, có thể thấy được rằng, cơ cấu độ tuổi của nguồn nhân lực trong khu vực HTX phân hóa khá rõ rệt, trong đó nhóm lao động trung niên chiếm ưu thế. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với quá trình phát triển nguồn nhân lực Hợp tác xã giai đoạn 2025 - 2030, đặc biệt trong việc thu hút, đào tạo và giữ chân lực lượng lao động trẻ.



Hình 2: Kết quả khảo sát về trình độ học vấn các thành viên Hợp tác xã, Kinh tế tập thể

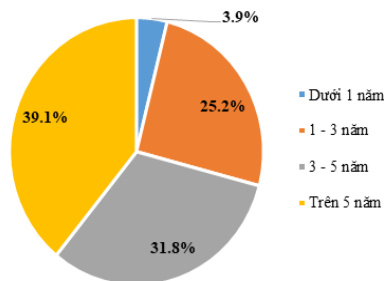
Về trình độ học vấn của nguồn nhân lực trong khu vực Hợp tác xã cho thấy trình độ vẫn còn ở mức thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của mô hình HTX kiểu mới. Lao động có trình độ trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất với 36,2%. Vì vậy, việc nâng cao trình độ học vấn và mở rộng cơ hội đào tạo cho đội ngũ cán bộ, thành viên Hợp tác xã là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển khu vực KTTT giai đoạn 2025 - 2030.



Hình 3: Kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn kỹ thuật

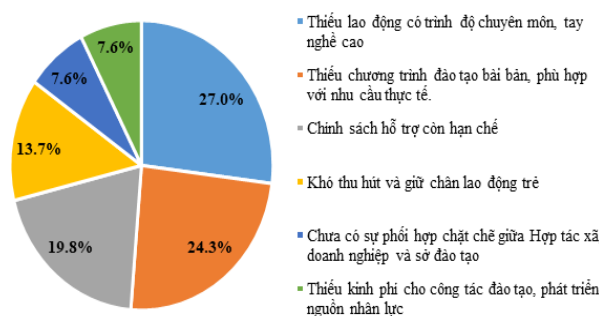
Bên cạnh đó trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhân lực HTX còn thấp. Tỷ lệ lao động chưa qua đào

tạo chuyên môn chiếm tới 52,0%, phản ánh phần lớn nhân lực vẫn làm việc dựa trên kinh nghiệm, chưa được trang bị kiến thức kỹ thuật bài bản.



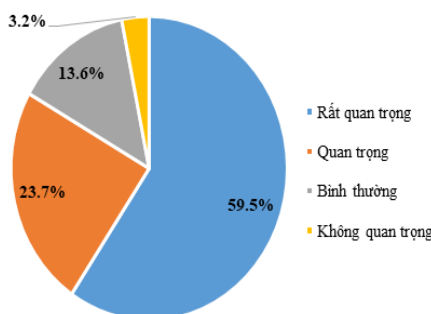
Hình 4: Kết quả khảo sát về thời gian gắn bó nhân lực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

Phần lớn nhân lực tại HTX có thời gian gắn bó dài hạn, nhóm trên 5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất 39,1%, tiếp theo là nhóm 3 - 5 năm với 31,8%, cho thấy đội ngũ lao động HTX tương đối ổn định và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Ngược lại, nhóm 1 - 3 năm chỉ chiếm 25,2%, và nhóm dưới 1 năm rất thấp 3,9%,



Hình 5: Khó khăn trong phát triển nhân lực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

Quá trình phát triển nguồn nhân lực trong khu vực KTTT, HTX hiện đang chịu tác động của nhiều hạn chế mang tính cơ cấu và thể chế. Vấn đề nổi bật nhất là sự thiếu hụt nhân lực có trình độ chuyên môn và tay nghề cao, điều này phản ánh tình trạng chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của mô hình HTX trong giai đoạn đổi mới và hiện đại hóa.



Hình 6: Vai trò nguồn lực khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã

Qua biểu đồ 6 chúng tôi nhận thấy có tới 59,5% số người được hỏi đánh giá nguồn nhân lực giữ vai trò rất quan trọng, và 23,7% cho rằng đây là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của HTX. Điều này phản ánh vai trò trung tâm của nguồn nhân lực trong việc nâng cao hiệu quả quản trị, cải thiện năng suất lao động và thúc đẩy năng lực cạnh tranh của HTX trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế.

Trong khi đó, chỉ 13,6% đánh giá vai trò của nguồn nhân lực ở mức bình thường, và 3,2% cho rằng

không quan trọng. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy nguồn nhân lực được xem là yếu tố then chốt quyết định năng lực vận hành và phát triển của khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã đồng thời là nền tảng thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho thành viên và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Những thực trạng trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực trong khu vực Hợp tác xã, nhằm bảo đảm sự chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình Hợp tác xã kiểu mới, chuyên nghiệp, hiệu quả và thích ứng tốt hơn với bối cảnh chuyển đổi số. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đưa ra những giải pháp cho nguồn nhân lực chất lượng cao Kinh tế tập thể, Hợp tác xã.

3. Chất lượng chương trình đào tạo, hoạt động bồi dưỡng KTTT, HTX

3.1. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Trong giai đoạn 2013 - 2023, Nhà nước và hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã [10]. Quy mô đào tạo được mở rộng đáng kể, với hơn 362.093 lượt cán bộ và thành viên Hợp tác xã được hỗ trợ đào tạo, trong đó 22.816 cán bộ được đào tạo trình độ từ sơ cấp đến đại học. Đối tượng thụ hưởng không chỉ bao gồm lãnh đạo Hợp tác xã (chủ tịch HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng) mà còn mở rộng sang thành viên Hợp tác xã và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Nội dung đào tạo ngày càng đa dạng, từ phổ biến chính sách pháp luật đến các chương trình chuyên môn như quản trị Hợp tác xã, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính - kế toán, marketing, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chuyển giao kỹ thuật, sản xuất an toàn theo VietGAP/GlobalGAP hoặc nông nghiệp hữu cơ [11]. Các hình thức đào tạo cũng linh hoạt hơn, kết hợp giữa lớp tập trung, hội thảo, tọa đàm và tham quan mô hình điển hình tiên tiến. Kinh phí đào tạo chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Trong năm 2023, ngân sách trung ương bố trí 33,79 tỷ đồng để thực hiện nội dung hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho khu vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã [1]. Điều này cho thấy sự ưu tiên lớn đối với phát triển nguồn nhân lực Hợp tác xã. Dù vậy, hiệu quả đào tạo nhìn chung vẫn thấp hơn kỳ vọng. Nhiều chương trình còn nặng lý thuyết, thiếu thực hành, chưa gắn với điều kiện của từng loại hình Hợp tác xã, khiến người học khó vận dụng vào thực tiễn. Bên cạnh đó, sự khác biệt trình độ, hạn chế về thời gian và điều kiện kinh tế của người lao động cũng làm giảm khả năng tiếp cận các khóa học. Nhìn tổng thể, mặc dù đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, hoạt động đào tạo vẫn chưa đủ để tạo ra sự chuyển biến căn bản trong chất lượng nhân lực Hợp tác xã, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu đổi mới quản trị, chuyển đổi số và phát triển theo chuỗi giá trị ngày càng cao.

3.2. Những bất cập và thách thức lớn trong công tác đào tạo

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực được triển khai, công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong khu vực KTTT, HTX vẫn bộc lộ một số hạn chế mang tính hệ thống và chưa đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

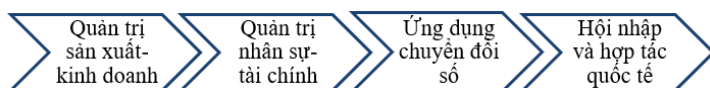
Thứ nhất, hoạt động đào tạo còn mang tính dàn trải, thiếu chiều sâu và chưa thực sự phù hợp với nhu cầu đặc thù của từng loại hình HTX. Thứ hai, hiệu quả đào tạo sau khóa học còn hạn chế. Việc thiếu vắng cơ chế theo dõi, đánh giá và hỗ trợ sau đào tạo đã dẫn tới tình trạng kiến thức không được chuyển hóa thành kỹ năng thực hành. Thứ ba, đội ngũ giảng viên và hệ thống tài liệu phục vụ đào tạo còn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Nguồn giảng viên có kiến thức chuyên sâu về kinh tế tập thể và kinh nghiệm thực tiễn trong quản trị HTX, còn hạn chế; giáo trình và tài liệu giảng dạy chưa được chuẩn hóa, còn thiếu sự cập nhật về các phương pháp quản trị hiện đại và xu hướng chuyển đổi số. Thứ tư, thiếu sự phối hợp giữa HTX, doanh nghiệp - cơ sở đào tạo, khiến hoạt động đào tạo thiếu gắn kết với thị trường lao động và không tạo ra hệ sinh thái đào tạo bền vững. Điều này làm cho chương trình đào tạo thiếu tính thực tiễn, thiếu liên kết với chuỗi giá trị và khó tạo ra năng lực cạnh tranh thực sự cho HTX.

4. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KTTT, HTX

Trên cơ sở thực trạng và định hướng phát triển giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn 2045, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn và cơ sở lý luận, đề tài đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực KTTT, HTX sau:

Nhóm giải pháp 1: hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực KTTT và HTX giai đoạn 2025-2030 là yêu cầu trọng yếu nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động.

Trọng tâm của giải pháp là hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế hỗ trợ tài chính cho đào tạo nhân lực theo định hướng của Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị quyết 20-NQ/TW; xây dựng bộ tiêu chuẩn năng lực và khung trình độ nghề nghiệp cho các nhóm năng lực cốt lõi trong HTX nhằm chuẩn hóa quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đào tạo thông qua chương trình hỗ trợ hạ tầng dữ liệu, phần mềm quản lý và mô hình “Hợp tác xã số”. Bên cạnh đó, việc tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và Hợp tác xã nhằm hình thành chuỗi “đào tạo- thực hành- tuyển dụng” là yếu tố quan trọng để bảo đảm đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn. Tổng thể các giải pháp này tạo nền tảng nâng cao chất lượng nhân lực, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh của Hợp tác xã trong bối cảnh hội nhập.



Hình 7: Nhóm các năng lực cốt lõi của Hợp tác xã

Nhóm giải pháp thứ hai: Công tác tổ chức và quản trị nhân lực giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã, đòi hỏi triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới. Hợp tác xã cần xây dựng kế hoạch nhân sự chiến lược gắn với định hướng phát triển ngành và yêu cầu chuyển đổi số, đồng thời xác định rõ năng lực cốt lõi và nhu cầu đào tạo cho từng vị trí. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá nhân sự phải được chuẩn hóa theo hướng dựa trên năng lực, kết quả công việc, bảo đảm tính minh bạch và chuyên nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự, đặc biệt thông qua hệ thống quản trị số (HRM), sẽ nâng cao hiệu quả theo dõi, đánh giá và dự báo nhu cầu lao động. Hoạt động đào tạo cần được đa dạng hóa bằng cách kết hợp giữa đào tạo trực tuyến, đào tạo tập trung và huấn luyện tại chỗ, chú trọng thực hành để nâng cao kỹ năng quản lý và vận hành. Mô hình đào tạo liên kết giữa nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và Hợp tác xã cần được tăng cường nhằm bảo đảm nội dung đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất và yêu cầu thị trường. Liên minh Hợp tác xã các cấp phải phát huy vai trò trung tâm trong hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát đào tạo, đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chuẩn năng lực và tổ chức bồi dưỡng định kỳ. Cuối cùng, Hợp tác xã cần hoàn thiện cơ chế đãi ngộ, khen thưởng và lộ trình nghề nghiệp để thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao, qua đó hình thành đội ngũ lao động chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực Kinh tế tập thể.

Nhóm giải pháp thứ ba: Việc tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng nhân lực khu vực Kinh tế tập thể và Hợp tác xã. Hợp tác xã Việt Nam cần mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, công nghệ số và phương pháp phát triển bền vững. Các chương trình hợp tác giữa Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với FAO, JICA (Nhật Bản), Liên minh Hợp tác xã Hàn Quốc hay các trường đại học quốc tế đã góp phần nâng cao trình độ cán bộ thông qua đào tạo, học bổng và tập huấn chuyên sâu. Bên cạnh đó, hoạt động trao đổi cán bộ với các Hợp tác xã tiên tiến như JA Group (Nhật Bản), hay các mô hình tại Hàn Quốc, Israel, Hà Lan giúp đội ngũ quản lý Hợp tác xã Việt Nam tiếp cận hiệu quả phương pháp quản lý chuỗi giá trị, tiêu chuẩn hóa sản xuất và kỹ năng điều hành theo chuẩn quốc tế. Một số địa phương trong nước đã thí điểm mô hình “Hợp tác xã kết nghĩa quốc tế” với sự hỗ trợ của GIZ (Đức) và Agriterria (Hà Lan), qua đó nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát tài chính và phát triển sản phẩm hướng

xuất khẩu. Đồng thời, việc tham gia các mạng lưới quốc tế như ICA, Mạng lưới Hợp tác xã ASEAN và các chương trình của FAO, UNDP mở ra cơ hội tiếp cận tri thức, công nghệ và nguồn lực hỗ trợ, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ Hợp tác xã có tư duy hội nhập, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nhóm giải pháp thứ tư, Việc tăng cường giám sát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược là nhiệm vụ quan trọng để phát triển nguồn nhân lực trong khu vực Kinh tế tập thể và Hợp tác xã. Hợp tác xã cần xây dựng hệ thống giám sát chặt chẽ, minh bạch và ứng dụng công nghệ số để theo dõi tiến độ, phân tích dữ liệu và nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, cần đánh giá định kỳ chất lượng nhân lực dựa trên khung năng lực chuẩn, gắn với mức độ chuyển biến thực tế trong quản trị, ứng dụng công nghệ và hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Kết quả đánh giá phải được dùng để điều chỉnh nội dung, phương pháp và đối tượng đào tạo. Chiến lược nhân lực cũng cần được cập nhật linh hoạt trước thay đổi của môi trường kinh tế, xu hướng số hóa, kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế. Cơ chế giám sát – đánh giá liên tục và điều chỉnh kịp thời sẽ giúp nâng cao chất lượng nhân lực, tăng năng lực cạnh tranh và thúc đẩy Hợp tác xã phát triển bền vững.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã cho thấy chất lượng nguồn nhân lực hiện vẫn là điểm nghẽn lớn nhất cản trở sự phát triển của khu vực Kinh tế tập thể và Hợp tác xã. Việc lựa chọn và triển khai 4 nhóm giải pháp một cách đồng bộ, hiệu quả các nhóm giải pháp này không chỉ giúp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và người lao động trong HTX mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và bảo đảm sự phát triển bền vững của khu vực Kinh tế tập thể giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị (2022), Nghị quyết 20-NQ/TW Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.
- [2] Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2022), *Toàn cảnh Hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam 2022*.
- [3] Vũ Thị Hải (2024), *Thực trạng hoạt động đánh giá rủi ro trong các Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học Nông nghiệp Việt Nam, số 11.
- [4] Thủ tướng chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- [5] Quốc hội (2023), *Luật Hợp tác xã Việt Nam*, số 23/2012/QH13.